

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ
NGOÀI KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|--|---|---|----------------|---|-----------------------------------|--|------------------------------------|--|------------------------------|
| I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN | | | | | | | | | |
| 1 | Vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung. | Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân. - Đông giáp: Khu dân cư và đất trồng cây hàng năm. - Tây giáp: Đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm. - Nam giáp: Khu dân cư Suối Mây và đất lâm nghiệp. - Bắc giáp: Đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm. | 380 | - Xây dựng vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp tạo giá trị theo chuỗi. - Xây dựng hệ thống trang trại và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phục vụ cho sản xuất và chăn nuôi với quy mô khoảng 4.000 con, gồm: Bò sữa, bò thịt và heo. | 400 | Đất trồng cây hàng năm và cây công nghiệp ngắn ngày. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Quy hoạch chi tiết thích nghi sử dụng đất nông nghiệp của huyện 2016-2025 tại Quyết định số 3501/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Đồng Xuân. | Theo quy định của pháp luật. |
| 2 | Xây dựng vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến hoa quả, đóng gói trái cây xuất khẩu. | Cụm công nghiệp Tân An, Buôn Trinh - xã Eabar hoặc cụm công nghiệp thị trấn Hai Riêng (do nhà đầu tư đề xuất). | 300 | Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo liên kết chuỗi giá trị, mở rộng vùng sản xuất cây ăn quả, góp phần tăng giá trị xuất khẩu, giải quyết việc làm, phát triển ngành nông nghiệp bền vững. | 200 | Đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với QH sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2010-2020 và QH SDD thời kỳ 2021-2030 đang triển khai; phương án phát triển cụm công nghiệp của tỉnh. | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|----|--|---|----------------|--|-----------------------------------|---|------------------------------------|--|------------------------------|
| 3 | Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao xã Xuân Bình. | Tuyết Diêm, xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu. - Đông giáp: Đầm Cù Mông. - Bắc giáp: Khu dân cư. - Tây giáp: Ruộng lúa. - Nam giáp: Vùng muối Tuyết diêm. | 100 | - Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao. - Quy mô đầu tư: tối thiểu 5ha/nhà đầu tư. | 200 | Đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Đang rà soát, tích hợp vào vào quy hoạch nuôi trồng thủy sản. | Theo quy định của pháp luật. |
| 4 | Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao hạ lưu Sông Bàn Thạch. | Vùng nuôi hạ lưu sông Bàn Thạch, thị xã Đông Hòa. | 120 | - Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao. - Quy mô đầu tư: tối thiểu 5ha/nhà đầu tư. | 240 | Đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Quy hoạch nuôi trồng thủy sản, đang rà soát, tích hợp vào đề án tổng thể phát triển nuôi trồng thủy sản và quy hoạch tỉnh. | Theo quy định của pháp luật. |
| 5 | Nuôi biển công nghiệp vùng biển hồ thôn Hòa Lợi, Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu. | Vùng biển hồ, thôn Hòa Lợi, Xuân cảnh, thị xã Sông Cầu. - Điểm 1: 13°34'05.72"N; 109°19'00.80"E. - Điểm 2: 13°34'15.21"N; 109°20'15.77"E. - Điểm 3: 13°32'37.39"N; 109°20'29.91"E. - Điểm 4: 13°32'27.98"N; 109°19'15.12"E. | 700 | Nuôi biển công nghiệp. | 21.000 | Vùng biển hồ, cách bờ từ 3- 6 hải lý | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Đang đề xuất đưa vào quy hoạch tỉnh | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|--|---|--|----------------|---|-----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|---|------------------------------|
| 6 | Đầu tư nhà máy sản xuất chế biến gạo hàng hóa chất lượng cao tại tỉnh Phú Yên. | Khu kinh tế Nam Phú Yên; các cụm công nghiệp Tây Hòa, Phú Hòa. | 5,0 | Cơ sở thu mua và chế biến lúa gạo tập trung theo công nghệ hiện đại, nâng cao giá trị cây lúa và hạt gạo Phú Yên. Thu hồi triệt để phụ phẩm sau chế biến của hạt lúa (tám, cám, trấu). - Quy mô đầu tư: 100 – 150 ngàn tấn/năm. | 1.200 | Xác định sau khi có địa điểm cụ thể. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Vùng sản xuất tập trung lúa giống và lúa thương phẩm chất lượng cao với quy mô 10 ngàn ha tại huyện Tây Hòa, huyện Phú Hòa, thị xã Đông Hòa và thành phố Tuy Hòa. | Theo quy định của pháp luật. |
| 7 | Dự án Nhà máy chế biến các loại trái cây và thảo dược. | Tại cao nguyên Vân Hòa, huyện Sơn Hòa. | 5,0 | Cơ sở thu mua và chế biến các loại trái cây nước ép trái cây và thảo dược tập trung theo công nghệ hiện đại, nâng cao giá trị cây ăn quả và cây dược liệu tại tỉnh Phú Yên. - Quy mô đầu tư: Khoảng 5.000 ngàn tấn sản phẩm/năm. | 1.000 | Xác định sau khi có địa điểm cụ thể. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Đến năm 2025 diện tích trồng cây ăn quả là 8 ngàn ha; diện tích trồng cây dược liệu là 500 ha. | Theo quy định của pháp luật. |
| II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án xây dựng nhà máy chế biến bột dinh dưỡng (sử dụng nguồn nguyên liệu từ các loại | Cụm công nghiệp Hòa Phú, Huyện Tây Hòa. | 5,0 | - Đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp địa phương. - Xây dựng nhà máy chế biến bột dinh dưỡng, quy mô khoảng 5.000 tấn sản phẩm/năm; hình thành chuỗi liên kết từ vùng | 70 | Đất hàng năm, khác (đã Quy hoạch cụm | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất của huyện. | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|----|--|--|----------------|--|-----------------------------------|---|------------------------------------|---|------------------------------|
| | đậu, ngô, khoai). | | | trồng nguyên liệu (ngô, đậu,...) đến sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm. | | công nghiệp). | | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Hòa Phú | Thôn Lạc Mỹ, xã Hòa Phú và thôn Lễ Lộc Bình, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa. | 74 | Xây dựng hoàn chỉnh các công trình HTKT của cụm công nghiệp và tổ chức kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và tập trung các ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp vào cụm công nghiệp, tránh tình trạng xây dựng các dự án sản xuất, chế biến trong khu dân cư, không đúng theo quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường. | 660 | Đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và các loại khác. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cụm công nghiệp tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 106/QĐ-UBND ngày 20/01/2015. | Theo quy định của pháp luật. |
| 3 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Phú Long | Xã An Mỹ, huyện Tuy An. | 74 | Xây dựng hoàn chỉnh các công trình HTKT của cụm công nghiệp và tổ chức kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và tập trung các ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp vào cụm công nghiệp, tránh tình trạng xây dựng các dự án sản xuất, chế biến trong khu dân cư, không đúng theo quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường. | 660 | Đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và các loại khác. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cụm công nghiệp tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 106/QĐ-UBND ngày 20/01/2015. | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|---|--|-----------------------------------|----------------|--|-----------------------------------|---|------------------------------------|---|------------------------------|
| 4 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Phước Hòa. | Xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân. | 54,67 | Xây dựng hoàn chỉnh các công trình HTKT của cụm công nghiệp và tổ chức kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và tập trung các ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào cụm công nghiệp, tránh tình trạng xây dựng các dự án sản xuất, chế biến trong khu dân cư, không đúng theo quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường. | 550 | Đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và các loại khác. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cụm công nghiệp tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 106/QĐ-UBND ngày 20/01/2015. | Theo quy định của pháp luật. |
| 5 | Nâng cấp Lò mổ gia súc thành phố Tuy Hòa. | Phường 8, thành phố Tuy Hòa. | 1,0 | Nâng cấp, sửa chữa. | 200 | Đất sử dụng làm nhà giết mổ gia súc, gia cầm. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quy hoạch xây dựng. | Theo quy định của pháp luật. |
| III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH | | | | | | | | | |
| 1 | Khu du lịch hồ Suối Bùn | Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa. | 80 | Đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch, các công trình dịch vụ trong khu du lịch, Khai thác danh lam thắng cảnh, địa thế, địa hình để phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, đồng quê, văn hóa. | 150 | Đất trồng cây lâu năm. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất của Huyện Sơn Hòa. | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|----|---|--|----------------|---|-----------------------------------|--|------------------------------------|---|------------------------------|
| 2 | Khu du lịch sinh thái đằm Ông Kinh – núi Mái Nhà. | Thôn Hòa Hậu, xã An Thạch, huyện Tuy An. | 65 | Khu du lịch tổng hợp, ăn uống, nghỉ dưỡng. | 200 | Đất rừng, mặt nước. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất huyện Tuy An. | Theo quy định của pháp luật. |
| 3 | Khu Thương mại - Dịch vụ du lịch sinh thái Công viên Bầu Hà. | Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa. | 40 | - Phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn thị xã Đông Hòa. - Quy mô: Đầu tư hoàn chỉnh Hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt. | 520 | Đất nông nghiệp. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Đang đăng ký Quy hoạch sử dụng đất; phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng. | Theo quy định của pháp luật. |
| 4 | Di dời bến xe nội thành ra ngoại thành (để hình thành Trung tâm đô thị thương mại hỗn hợp). | Phường 4, thành phố Tuy Hòa. | 0,529 | Đầu tư xây dựng mới. | 350 | Đất sử dụng làm bến xe (dự kiến chuyển đổi sang đất thương mại dịch vụ khi có nhà đầu tư). | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch xây dựng. | Theo quy định của pháp luật. |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|---|---|--|----------------|--|-----------------------------------|------------------------|------------------------------------|--|------------------------------|
| IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án chuyển đổi số tại tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021 – 2025. | Tỉnh Phú Yên. | | Chuyển đổi số theo hướng xây dựng tỉnh Phú Yên phát triển nhanh trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, tận dụng các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh; xây dựng nền móng cho chuyển đổi số; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tỉnh Phú Yên. | 250 | | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | | Theo quy định của pháp luật. |
| V. LĨNH VỰC Y TẾ | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa và chuyên khoa tỉnh. | Theo Thông báo số 132/TB-SXD ngày 15/10/2021 của Sở Xây dựng. Dự kiến khu đất thuộc Quy hoạch phân khu Khu dân cư phường Phú Lâm - Phú Thạnh đã được UBND thành phố Tuy Hòa phê duyệt (tại QĐ số 3244/QĐ-UBND ngày 09/7/2019). | 6,5 | - Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh bằng nguồn vốn xã hội hóa với hệ thống phục vụ chất lượng cao, chuyên sâu, công nghệ y tế hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận trong khu vực; góp phần giảm áp lực về khám chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh hiện nay nói riêng và cho toàn ngành y tế nói chung. - Quy mô 480 giường lưu trú | 1.900 | Đất trống | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành y tế Phú Yên (tại QĐ số 2140/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030). | Theo quy định của pháp luật |

| TT | Tên Dự án | Địa điểm | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Tổng vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn NĐT | Sự phù hợp với quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|--------------------------------|---|---|----------------|---|-----------------------------------|------------------------|------------------------------------|---|------------------------------|
| | | | | theo tiêu chuẩn phục vụ dịch vụ theo yêu cầu, phục vụ: 1.500 – 2.000 lượt khám/ngày. | | | | | |
| 2 | Bệnh viện Y học Cổ truyền tuyến tỉnh. | Địa điểm đầu tư theo đề xuất của Sở Xây dựng. | 3,0 | - Xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh bằng nguồn vốn xã hội hóa với hệ thống phục vụ chất lượng cao, chuyên sâu, công nghệ y tế hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận trong khu vực; góp phần giảm áp lực về khám chữa bệnh cho Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh hiện nay nói riêng và cho toàn ngành y tế nói chung. - Quy mô đầu tư: 250 giường lưu trú theo tiêu chuẩn, phục vụ 800 – 1000 lượt khám/ngày. | 1.250 | Đất chưa sử dụng. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | Phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành y tế Phú Yên (tại QĐ số 2140/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh) về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH phát triển ngành y tế tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. | Theo quy định của pháp luật. |
| VI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG | | | | | | | | | |
| 1 | Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại bãi rác tập trung của thị xã, xã Hòa Xuân Đông và phường Hòa Xuân Tây. | Xã Hòa Xuân Đông và phường Hòa Xuân Tây (phần thuộc bãi rác thị xã Đông Hòa). | 5,0 | Đầu tư nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn thị xã. | 200 | Đất nông nghiệp. | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. | | Theo quy định của pháp luật. |

Phụ lục 2

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm đầu tư | Diện tích (ha) | Mục tiêu, quy mô đầu tư | Hiện trạng sử dụng đất | Hình thức lựa chọn nhà đầu tư | Sự phù hợp quy hoạch | Chính sách ưu đãi đầu tư |
|----|--|---------------------------|----------------|---|--|-------------------------------|--|------------------------------|
| 1 | Các dự án kêu gọi đầu tư vào tiểu khu Sản xuất vi sinh. | Lô D-D2-3, D-D2-4, D-D2-6 | 10,2 | Các dự án ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp và môi trường như chế phẩm xử lý môi trường, chế phẩm dùng trong dinh dưỡng và bảo vệ cây trồng, vật nuôi,... | Đất lúa 1 vụ, đất rừng sản xuất, đất trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp khác, đất giao cho các hộ dân quản lý,... đã được quy hoạch sử dụng đất Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đất trồng lúa khác. | Chấp thuận chủ trương đầu tư. | Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch xây dựng. | Theo quy định của pháp luật. |
| 2 | Các dự án kêu gọi đầu tư vào tiểu khu Kho bãi và chế biến. | Lô D-D5-1, D-D5-2, D-D5-3 | 7,9 | Các dự án cơ giới và đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch,... | | | Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch xây dựng. | |
| 3 | Các dự án kêu gọi đầu tư vào tiểu khu Chăn nuôi. | Lô D-D3-2, D-D3-7 | 12,22 | Các dự án nghiên cứu, lai tạo giống gia súc (Các giống heo, giống bò cao sản...). | | | Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch xây dựng. | |